DAY 6

Động từ nguyên mẫu (V1)	**Thể quá khứ (V2)**	**Quá khứ phân từ (v3)**	Nghĩa của động từ
spoil	spoilt/ spoiled	spoilt/ spoiled	làm hỏng
spread	spread	spread	lan truyền
stand	stood	stood	đứng
steal	stole	stolen	đánh cắp
sting	stung	stung	châm ; chích; đốt
sweep	swept	swept	quét
swim	swam	swum	bơi lội
take	took	taken	cầm ; lấy
teach	taught	taught	dạy ; giảng dạy
tell	told	told	kể ; bảo
think	thought	thought	suy nghĩ
throw	threw	thrown	ném ; liệng
wake	woke/ waked	woken/ waked	thức giấc
wear	wore	worn	mặc
weep	wept	wept	khóc
wet	wet / wetted	wet / wetted	làm ướt
win	won	won	thắng ; chiến thắng
write	wrote	written	viết

spoil			làm hỏng
spread			lan truyền
stand			đứng
steal			đánh cắp
sting			châm ; chích; đốt
sweep			quét

LIVEWORKSHEETS

swim			bơi lội
take			cầm ; lấy
teach			dạy ; giảng dạy
tell			kể ; bảo
think			suy nghĩ
throw			ném ; liệng
wake			thức giấc
wear			mặc
weep			khóc
wet			làm ướt
win			thắng ; chiến thắng
write			viết

LIVEWORKSHEETS